

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ IV - NĂM 2012

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Quý IV/2012	Quý IV/2011	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4			5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		235.639.002.251	184.174.314.517	896.801.544.932	864.743.524.498
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(217.461.733.862)	(187.214.784.202)	(826.304.994.172)	(854.295.662.615)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.873.339.090)	(9.493.519.695)	(42.363.603.523)	(42.714.677.715)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(569.640.600)	(20.888.889)	(53.675.000)	(193.508.222)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(116.005.363)	(893.944.109)	(8.843.213.311)	(5.967.957.485)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.661.343.701	5.426.368.537	26.266.052.009	31.280.792.727
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.632.310.679)	(6.027.555.560)	(29.535.501.507)	(21.341.216.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.647.316.358	(14.050.009.401)	15.966.609.428	(28.488.705.403)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(108.544.359)	(76.000.000)	(681.112.125)	(28.564.097.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0	0	0	31.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0	(14.200.000.000)	(10.054.545)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	10.000.000.000	14.200.000.000	25.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.031.769.638	1.891.844.413	3.929.379.236	7.134.826.577
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		923.225.279	11.815.844.413	3.248.267.111	4.092.492.474
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	4.000.000.000	20.900.000.000	23.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	(4.000.000.000)	(20.900.000.000)	(23.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.632.500.000)	(43.970.000)	(11.545.195.000)	(6.850.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.632.500.000)	(43.970.000)	(11.545.195.000)	(6.850.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.938.041.637	(2.278.134.988)	7.669.681.539	(31.246.912.929)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.340.373.663	48.886.868.749	46.608.733.761	77.855.646.690
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	54.278.415.300	46.608.733.761	54.278.415.300	46.608.733.761

Người lập biểu



Võ Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Lê Thị Mộng Điệp

Lập ngày 31 tháng 01 năm 2013
Tổng Giám đốc

Lê Văn Mỹ